

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/ 2026/ DSST

Ngày: 12 - 3 - 2026.

V/v: “ *Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Anh

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

Ông Huỳnh Bá Dương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Ngọc Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2026/QĐST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/QĐ- HPT ngày 13 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân Hàng TMCP V (V1)**; địa chỉ trụ sở chính: Toà nhà V2, Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Như G - Chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ Pháp lý Tích hợp 2 (Theo Văn bản ủy quyền số 30/2025/UQN-CTQT ngày 28 tháng 07 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị). Ông Nguyễn Như G ủy quyền cho ông Nguyễn Lê Anh T - Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ (Theo Văn bản ủy quyền số 16509/2025/UQN-PLTH2 ngày 10/09/2025). Địa chỉ liên hệ: Tầng E, số A P, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:* **Công ty Cổ phần M1**; địa chỉ trụ sở chính: Tầng A, Tòa nhà C, Số B phố T,

phường Y, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T1 - Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Huy M - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ (Theo Văn bản ủy quyền số 04/2025/UQ-TGD ngày 29 tháng 08 năm 2025 của ông Hoàng Anh T1 - TGD Công ty Cổ phần M1). Ông Phan Huy M ủy quyền cho ông Nguyễn Hồng P - Chức vụ: Chuyên viên Cao cấp Xử lý nợ (Theo Văn bản ủy quyền số 17709/2025/UQ-XLN-JUPITER ngày 10/09/2025). Địa chỉ liên hệ: Tầng E, số A P, phường H, thành phố Đà Nẵng. Ông P có mặt.

* *Bị đơn:* **Ông Trần Ngọc N**, sinh năm 1979; địa chỉ: Số I M, phường A, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án và quá trình tố tụng tại Tòa án, người được ủy quyền tham gia tố tụng Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và Công ty Cổ phần M1 trình bày:*

Ông Trần Ngọc N có vay vốn tại Ngân hàng TMCP V (V1) theo các Hợp đồng tín dụng và các văn bản tín dụng sau:

1. Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số: LN2103053441934 ký ngày 26/04/2021, số tiền vay gốc: 910.000.000 đồng; Thời hạn vay: 96 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu KIA SEDONA 2.2 DAT LUXURY, sản xuất 2021, mới 100%, phục vụ nhu cầu đi lại; Các kỳ trả nợ, lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9%/năm. Ngày 27/4/2021, Ngân hàng đã giải ngân khoản vay cho ông Trần Ngọc N. Đến ngày 05/02/2024 ông Trần Ngọc N vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

2. Hợp đồng cho vay số: LN2308029892093 ký ngày 08/08/2023, cụ thể như sau: số tiền vay gốc: 259.094.595 đồng; Thời hạn vay: 60 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình phục vụ đời sống; Các kỳ trả nợ, lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 12%/năm. Ngày 09/8/2023, Ngân hàng đã giải ngân khoản vay cho ông Trần Ngọc N. Đến ngày 05/02/2024 ông Trần Ngọc N vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

3. Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là: 01 chiếc xe ô tô con 7 chỗ ngồi, nhãn hiệu: KIA, số loại: SEDONA 2.2, số máy: D4HBMD000440, số khung: RNYYL52A8MC219633, màu trắng, biển số đăng ký 43A-612.25 theo bản chính “Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43004859 do Phòng C - Công an thành phố Đ cấp ngày 19/04/2021”; tên chủ xe là ông Trần Ngọc N. Tài sản bảo đảm này được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: LN2103053441934 ký ngày 26/04/2021

và hợp đồng thế chấp số: LN2308029892093/DBP/HĐTC ký ngày 08/08/2023 ký kết giữa ông Trần Ngọc N với Ngân Hàng TMCP V, đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 30/6/2024, theo Hợp đồng mua bán nợ số 07/2024/VPB-JUPITER và Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V với Công ty Cổ Phần M1 thì Ngân Hàng TMCP V đồng ý bán và Công ty Cổ Phần M1 đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là ông Trần Ngọc N, cụ thể là 90% (chín mươi phần trăm) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp số: LN2103053441934 ký ngày 26/04/2021 và Hợp đồng cho vay số: LN2308029892093 ký ngày 08/08/2023.

Căn cứ theo quy định của pháp luật, Công ty Cổ Phần M1 kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của Ngân Hàng TMCP V phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Đồng thời, Ngân Hàng TMCP V tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho Công ty Cổ Phần M1.

Trong quá trình vay vốn, ông Trần Ngọc N đã trả được cho Ngân Hàng TMCP V số tiền nợ là 597.808.566 đồng, trong đó:

- Hợp đồng LN2308029892093 đã trả được số tiền là 34.285.271 đồng, bao gồm trả gốc là 21.590.000 đồng và trả lãi 12.695.271 đồng;

- Hợp đồng LN2103053441934 đã trả được số tiền là 563.523.295 đồng, bao gồm trả gốc là 309.185.668 đồng và trả lãi 254.337.627 đồng.

Tính đến ngày 12/03/2026, ông Trần Ngọc N còn nợ Công ty Cổ Phần M1 và Ngân Hàng TMCP V tổng số tiền là **1.215.052.030 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm mười lăm triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, không trăm ba mươi đồng), cụ thể như sau:

(Đơn vị tính: VNĐ)

Số HĐ cho vay	Dư nợ gốc	Dư nợ lãi	Tổng cộng
LN2308029892093	237,504,595	88,636.868	326,141,463
LN2103053441934	600,814,332	288,096,235	888,910,567
Tổng cộng	838,318,927	376,733,103	1,215,052,030

Cụ thể theo từng Hợp đồng như sau:

(Đơn vị tính: VNĐ)

STT	Hợp đồng	Tỷ lệ	Nợ gốc	Nợ lãi	Tổng nợ
1	LN2308029892093	VPBank	23,750,460	8,863,687	32,614,147

2	LN2103053441934	(10%)			
		Công ty Jupiter (90%)	213,754,135	79,773,181	293,527,316
		VPBank (10%)	60,081,433	28,809,623	88,891,056
		Công ty Jupiter (90%)	540,732,899	259,286,612	800,019,511
	Tổng nợ		838.318.927	376,733,103	1,215,052,030
Nợ Vpbank			83,831,893	37,673,310	121,505,203
Nợ Công ty Jupiter			754,487,034	339,059,793	1,093,546,827

Công ty Cổ Phần M1 và Ngân Hàng TMCP V đồng khởi kiện ông Trần Ngọc N ra Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng đề nghị giải quyết các nội dung như sau:

1. Buộc ông Trần Ngọc N phải thanh toán ngay cho Công ty Cổ Phần M1 và Ngân hàng TMCP V toàn bộ một lần số tiền nợ tạm tính đến ngày 12/03/2026 là **1.215.052.030 đồng** (*Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm mười lăm triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, không trăm ba mươi đồng*) bao gồm nợ gốc là 838.318.927 đồng và nợ lãi là 376.733.103 đồng (lãi trong hạn là 14.900.330 đồng và lãi quá hạn là 361.832.773 đồng). Trong đó:

a. Buộc ông Trần Ngọc N phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nợ tính đến ngày 12/3/2026 là 121.505.203 đồng, trong đó nợ gốc là 83.831.893 đồng và nợ lãi là 37.673.310 đồng (lãi trong hạn là 1.490.033 đồng và lãi quá hạn là 36.183.277 đồng). Chi tiết theo từng Hợp đồng như sau:

- Hợp đồng LN2308029892093 ngày 08/08/2023 phải thanh toán số tiền 32.614.147 đồng, bao gồm nợ gốc là 23.750.460 đồng và nợ lãi là 8.863.687 đồng;

- Hợp đồng LN2103053441934 ngày 26/04/2021 phải thanh toán số tiền 88.891.056 đồng, bao gồm nợ gốc là 60.081.433 đồng và nợ lãi là 28.809.623 đồng.

b. Buộc ông Trần Ngọc N phải thanh toán ngay cho Công ty Cổ Phần M1 tổng số tiền nợ tính đến ngày 12/3/2026 là 1.093.546.827 đồng, trong đó nợ gốc là 754.487.034 đồng và nợ lãi là 339.059.793 đồng (lãi trong hạn là 13.410.297 đồng và lãi quá hạn là 325.649.496 đồng). Chi tiết theo từng Hợp đồng như sau:

- Hợp đồng LN2308029892093 ngày 08/08/2023 phải thanh toán 293.527.316 đồng, bao gồm nợ gốc là 213.754.135 đồng và nợ lãi là 79.773.181 đồng;

- Hợp đồng LN2103053441934 ngày 26/04/2021 phải thanh toán 800.019.511 đồng, bao gồm nợ gốc là 540.732.899 đồng và nợ lãi là 259.286.612 đồng.

Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi phát sinh từ ngày 13/03/2026 theo đúng thỏa thuận trong (các) Hợp đồng tín dụng và các văn bản tín dụng đã ký kết cho đến ngày ông Trần Ngọc N thực tế thanh toán hết nợ cho Công ty Cổ Phần M1 và Ngân Hàng TMCP V. Lãi phát sinh phải trả cho Công ty Cổ Phần M1 và Ngân Hàng TMCP V tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông Trần Ngọc N không trả nợ đầy đủ cho Công ty Cổ Phần M1 và Ngân Hàng TMCP V thì Công ty Cổ Phần M1 và/hoặc Ngân Hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Công ty Cổ Phần M1 và/hoặc Ngân Hàng TMCP V.

* Bị đơn ông Trần Ngọc N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của ông Trần Ngọc N trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.

* Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm:

- Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật từ thụ lý cho đến phiên tòa xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ về tố tụng nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 100, Điều 103 Luật Tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 280, Điều 463, Điều 466 BLDS; Điều 299, Điều 322, Điều 323, Điều 365, Điều 368, 463, 466 BLDS; Điều 100 Luật Tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 7 Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại TAND. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”

của Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ Phần M1 đối với ông Trần Ngọc N. Cụ thể:

a. Buộc ông Trần Ngọc N phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nợ tính đến ngày 12/3/2026 là 121.505.203 đồng, trong đó nợ gốc là 83.831.893 đồng và nợ lãi là 37.673.310 đồng (lãi trong hạn là 1.490.033 đồng và lãi quá hạn là 36.183.277 đồng). Chi tiết theo từng Hợp đồng như sau:

- Hợp đồng LN2308029892093 ngày 08/08/2023 phải thanh toán số tiền 32.614.147 đồng, bao gồm nợ gốc là 23.750.460 đồng và nợ lãi là 8.863.687 đồng;

- Hợp đồng LN2103053441934 ngày 26/04/2021 phải thanh toán số tiền 88.891.056 đồng, bao gồm nợ gốc là 60.081.433 đồng và nợ lãi là 28.809.623 đồng.

b. Buộc ông Trần Ngọc N phải thanh toán ngay cho Công ty Cổ Phần M1 tổng số tiền nợ tính đến ngày 12/3/2026 là 1.093.546.827 đồng, trong đó nợ gốc là 754.487.034 đồng và nợ lãi là 339.059.793 đồng (lãi trong hạn là 13.410.297 đồng và lãi quá hạn là 325.649.496 đồng). Chi tiết theo từng Hợp đồng như sau:

- Hợp đồng LN2308029892093 ngày 08/08/2023 phải thanh toán 293.527.316 đồng, bao gồm nợ gốc là 213.754.135 đồng và nợ lãi là 79.773.181 đồng;

- Hợp đồng LN2103053441934 ngày 26/04/2021 phải thanh toán 800.019.511 đồng, bao gồm nợ gốc là 540.732.899 đồng và nợ lãi là 259.286.612 đồng.

Kể từ ngày 13/03/2026 ông Trần Ngọc N còn phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận của các hợp đồng cho Công ty Cổ Phần M1 và Ngân Hàng TMCP V tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Công ty Cổ Phần M1 và Ngân Hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là 01 chiếc xe ô tô con 7 chỗ ngồi, nhãn hiệu: KIA, số loại: SEDONA 2.2, số máy: D4HBMD000440, số khung: RNYYL52A8MC219633, màu trắng, biển số đăng ký 43A-612.25 theo bản chính “Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43004859 do Phòng C - Công an thành phố Đ cấp ngày 19/04/2021”; tên chủ xe là ông Trần Ngọc N để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng theo quy định tại

khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Trong quá trình giải quyết Ngân hàng TMCP V đã bán 90% số nợ cho Công ty Cổ phần M1 nên xác định Công ty Cổ phần M1 là người kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn vào tham gia vụ án.

[2] Ông Trần Ngọc N (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố); đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung vụ án:

Ông Trần Ngọc N có ký kết vay vốn tại Ngân hàng TMCP V theo các Hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng số: LN2103053441934 ký ngày 26/04/2021; Số tiền vay gốc: 910.000.000 đồng; Thời hạn vay: 96 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua Xe ô tô phục vụ nhu cầu đi lại; Các kỳ trả nợ, lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- Hợp đồng cho vay số: LN2308029892093 ký ngày 08/08/2023: Số tiền vay gốc: 259.094.595 đồng; Thời hạn vay: 60 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình phục vụ đời sống; Các kỳ trả nợ, lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là: 01 chiếc xe ô tô con 7 chỗ ngồi, nhãn hiệu: KIA, số loại: SEDONA 2.2, số máy: D4HBMD000440, số khung: RNYYL52A8MC219633, màu trắng, biển số đăng ký 43A-612.25 theo bản chính “Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43004859 do Phòng C - Công an thành phố Đ cấp ngày 19/04/2021”; tên chủ xe là ông Trần Ngọc N. Tài sản bảo đảm này được thế chấp và đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

Thực hiện hợp đồng ông Trần Ngọc N thanh toán được một phần nợ còn lại không tiếp tục thanh toán. Đến ngày 05/02/2024 ông Trần Ngọc N vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với các hợp đồng nêu trên.

Ngày 30/06/2024, giữa Ngân hàng TMCP V với Công ty Cổ Phần M1 ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 07/2024/VPB-JUPITER ngày 30/06/2024 và Phụ lục đính kèm. Theo đó Công ty Cổ Phần M1 mua khoản nợ của khách hàng vay là ông Trần Ngọc N, cụ thể là 90% (chín mươi phần trăm) khoản nợ phát sinh theo 02 Hợp đồng vay ký kết nêu trên.

Tạm tính đến ngày 12/03/2026, ông Trần Ngọc N còn nợ Công ty Cổ Phần M1 và Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là 1.215.052.030 đồng(bao gồm nợ gốc là 838.318.927 đồng và nợ lãi là 376.733.103 đồng).

[4] Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngân hàng TMCP V đã ký kết với ông Trần Ngọc N các Hợp đồng cho vay số: LN2103053441934 ngày 26/04/2021 và Hợp đồng vay số: LN2308029892093 ngày 08/08/2023. Các hợp đồng này ký kết này trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Xét về chủ thể ký kết hợp đồng: Ngày 30/06/2024, Công ty Cổ Phần M1 và Ngân hàng TMCP V ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 07/2024/VPB-JUPITER ngày 30/06/2024 và Phụ lục đính kèm. Việc mua bán nợ được thực hiện theo quy định tại ngày 17/7/2015 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài và ngày 26/12/2022 của Thống đốc Ngân hàng N1 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số: 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Ngọc N đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả lãi và gốc, vi phạm định kỳ trả nợ, cụ thể ngày 05/02/2024 ông Trần Ngọc N vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ Phần M1 đã nhiều lần làm việc đề yêu cầu ông N thanh toán nợ nhưng đến nay ông N vẫn chưa thanh toán được nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ Phần M1. HĐXX xét thấy ông Trần Ngọc N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết trong Hợp đồng tín dụng. Việc khởi kiện của Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ Phần M1 yêu cầu Tòa án buộc ông N phải thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 12/03/2026 là 1.215.052.030 đồng (bao gồm nợ gốc là 838.318.927 đồng và nợ lãi là 376.733.103 đồng) và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từ ngày 13/3/2026 cho đến khi ông N thanh toán hết các khoản nợ là có cơ sở, phù hợp với các điều 463, điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 100, 103 Luật Tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Điều 7 Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu nên yêu cầu nêu trên của Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ Phần M1 được chấp nhận (Lãi phát sinh phải trả cho Công ty Cổ Phần M1 và Ngân hàng TMCP V tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ).

[5]. Đối với xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay là: Xét Hợp đồng thế chấp số: LN2103053441934 ký ngày 26/04/2021 và hợp đồng thế chấp số: LN2308029892093/DBP/HĐTC ký ngày 08/08/2023 ký kết giữa ông Trần Ngọc N với Ngân Hàng TMCP V. Hợp đồng này đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo

quy định là hoàn toàn đúng quy định pháp luật nên có hiệu lực thi hành. Do đó, nếu ông Trần Ngọc N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty Cổ Phần M1 và Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo đúng tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ là phù hợp với Điều 299 và 303 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp hoàn tất xong khoản nợ thì phía Công ty Cổ Phần M1 và Ngân hàng TMCP V phải hoàn trả lại cho ông Trần Ngọc N Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43004859 do Phòng C - Công an thành phố Đ cấp ngày 19/04/2021 cho chủ sở hữu là ông Trần Ngọc N theo quy định tại Điều 322 Bộ luật Dân sự.

[7] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể Ông Trần Ngọc N phải chịu là 48.451.560 đồng (*bốn mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi một nghìn, năm trăm sáu mươi đồng*).

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản là 2.000.000 đồng và chi phí đăng tin là 9.900.000 đồng, tổng 11.900.000 đồng, ông Trần Ngọc N phải chịu số tiền này. Công ty Cổ Phần M1 đã chi ứng nộp để Tòa án xem xét tại chỗ và thực hiện đăng tin xong, ông Trần Ngọc N có nghĩa vụ hoàn lại số tiền này cho Công ty Cổ Phần M1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Bộ Luật tố tụng dân sự. Điều 299, khoản 7 Điều 322, 323, 365, 368, 463, 466 Bộ luật dân sự. Điều 100, 103 Luật tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ Phần M1 đối với ông Trần Ngọc N.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Trần Ngọc N phải thanh toán cho Công ty Cổ Phần M1 và Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 12/03/2026 là 1.215.052.030 đồng bao gồm nợ gốc là 838.318.927 đồng và nợ lãi là 376,733,103 đồng. Trong đó cụ thể:

a. Buộc ông Trần Ngọc N phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nợ tính đến ngày 12/3/2026 là 121.505.203 đồng, trong đó nợ gốc là 83.831.893 đồng và nợ lãi là 37.673.310 đồng (lãi trong hạn là 1.490.033 đồng và lãi quá hạn là 36.183.277 đồng). Chi tiết theo từng Hợp đồng như sau:

- Hợp đồng LN2308029892093 ngày 08/08/2023 phải thanh toán số tiền 32.614.147 đồng, bao gồm nợ gốc là 23.750.460 đồng và nợ lãi là 8.863.687 đồng;
- Hợp đồng LN2103053441934 ngày 26/04/2021 phải thanh toán số tiền 88.891.056 đồng, bao gồm nợ gốc là 60.081.433 đồng và nợ lãi là 28.809.623 đồng.

b. Buộc ông Trần Ngọc N phải thanh toán ngay cho Công ty Cổ Phần M1 tổng số tiền nợ tính đến ngày 12/3/2026 là 1.093.546.827 đồng, trong đó nợ gốc là 754.487.034 đồng và nợ lãi là 339.059.793 đồng (lãi trong hạn là 13.410.297 đồng và lãi quá hạn là 325.649.496 đồng). Chi tiết theo từng Hợp đồng như sau:

- Hợp đồng LN2308029892093 ngày 08/08/2023 phải thanh toán 293.527.316 đồng, bao gồm nợ gốc là 213.754.135 đồng và nợ lãi là 79.773.181 đồng;
- Hợp đồng LN2103053441934 ngày 26/04/2021 phải thanh toán 800.019.511 đồng, bao gồm nợ gốc là 540.732.899 đồng và nợ lãi là 259.286.612 đồng.

Kể từ ngày 13/03/2026 ông Trần Ngọc N còn phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận của các hợp đồng cho Công ty Cổ Phần M1 và Ngân Hàng TMCP V tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Trường hợp ông Trần Ngọc N không thực hiện thì Công ty Cổ Phần M1 và Ngân Hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là 01 chiếc xe ô tô con 7 chỗ ngồi, nhãn hiệu: KIA, số loại: SEDONA 2.2, số máy: D4HBMD000440, số khung: RNYYL52A8MC219633, màu trắng, biển số đăng ký 43A-612.25 theo bản chính “Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43004859 do Phòng C - Công an thành phố Đ cấp ngày 19/04/2021”; tên chủ xe là ông Trần Ngọc N để thu hồi nợ.

Trường hợp nếu không phải xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ mà ông Trần Ngọc N đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, thì Công ty Cổ Phần M1 và Ngân Hàng TMCP V phải trả lại bản gốc Giấy tờ xe ô tô đã đặt thế chấp nêu trên cho ông Trần Ngọc N.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Ngọc N phải chịu là 48.451.560 đồng (bốn mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi một nghìn, năm trăm sáu mươi đồng).

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản là 2.000.000 đồng và chi phí đăng tin là 9.900.000 đồng, tổng 11.900.000 đồng ông Trần Ngọc N phải chịu số tiền này. Công ty Cổ Phần M1 đã chi ứng nộp để Tòa án xem xét tại chỗ và thực hiện đăng tin xong, ông Trần Ngọc N có nghĩa vụ hoàn lại số tiền này cho Công ty Cổ Phần M1.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 2.793.982 đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0003154 ngày 08 tháng 10 năm 2025.

Hoàn trả cho Công ty Cổ Phần M1 số tiền tạm ứng án phí 20.029.630 đồng, đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0003152 ngày 08 tháng 10 năm 2025.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn và người liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV2-ĐN;
- Thi hành án DS TPĐN;
- Phòng THADS KV2-ĐN;
- Các đương sự; đã ký đã ký
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Anh